

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**
Số: 134/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng giang, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn

Ông Nguyễn Quang Vinh

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 329/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

*** Nguyên đơn:** bà Triệu Thị H, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn VTh, xã TH, huyện LGg, Bắc Giang

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ong Thị Th, Luật sư Giáp Thị H - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (được cử theo diện trợ giúp pháp lý)

*** Bị đơn:** ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn VTh, xã TH, huyện LGg, Bắc Giang

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Giáp Thị V - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (được cử theo diện trợ giúp pháp lý)

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. anh Đặng Văn H, sinh năm: 1980

2. chị Đặng Thị N, sinh năm: 1986

3. chị Thân Thị Như D, sinh năm 1983

4. anh Trần Văn Gi, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn VTh, xã TH, huyện LGg, Bắc Giang

5. chị Đặng Thị H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn Gi, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

6. Chị Đặng Thị G, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn SC, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

7. Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang

- Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Ngh - Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang;

Đại diện theo ủy quyền: ông Nghiêm Phú S - Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang

8. Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Lạng Giang - Đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn Đ - Chủ tịch UBND xã Tân Hưng

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 70, 71, 72, 212, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 55, 57, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2017, việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Triệu Thị Hiền và ông Đặng Văn Đãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Triệu Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất 963,2m² (trong đó có 150 m² đất ở và 813,2m² đất vườn), trị giá đất là 75.404.400 đồng tại thửa đất 188, tờ bản đồ số 13 ở thôn VTh, xã TH, huyện LGg, Bắc Giang. Phần đất có cạnh phía Bắc giáp đất đồi bà Đặng Thị H, phía Đông giáp đất ông Đinh Nam Ch, phía Nam giáp đường thôn, phía Tây giáp đất giao cho ông Đặng Văn Đ (có sơ đồ kèm theo).

Bà H được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp bốn xây năm 2009 diện tích 54m² trị giá 69.044.000 đồng; 01 tường cay bồ trụ trị giá 3.450.000 đồng; 01 nhà bếp loại C trị giá 11.280.000 đồng; 01 cổng sắt trị giá 3.890.000 đồng của chị Đặng Thị N, anh Trần Văn Gi. Tổng giá trị tài sản là: 87.664.000 đồng.

Bà H được sở hữu tài sản chung của bà H, ông Đ đã tạo lập trên đất gồm có: 09 cây vải thiều trị giá 11.700.000 đồng, 01 cây mít trị giá 435.000 đồng; 03 cây xoan trị giá 345.000 đồng, 03 cây sấu trị giá 792.000 đồng. tổng cộng bằng: 13.272.000 đồng

Tổng trị giá tài sản đất và các tài sản gắn liền đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H là: 176.340.400 đồng (một trăm bảy sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng).

2. Ông Đặng Văn Đ được quyền sử dụng phần diện tích đất 938,9 m² (trong đó có 150 m² đất ở và 788,9m² đất vườn), trị giá là 74.383.800 đồng tại thửa đất 188, tờ bản đồ số 13 ở thôn VTh, xã TH, huyện LGg, Bắc Giang. Phần đất có cạnh phía Bắc, phía Đông giáp đất giao cho bà H, phía Nam giáp đường thôn, phía Tây giáp đất bà Đặng Thị H. (có sơ đồ kèm theo)

Ông Đ được quyền sở hữu các tài sản chung của bà H, ông Đ xây dựng trên đất gồm: 01 nhà cấp bốn xây dựng năm 1981 trị giá 42.190.000 đồng; 01 nhà bếp loại C trị giá: 1.690.000 đồng; khu chăn nuôi loại C trị giá: 5.390.000 đồng; Tường xây cay bồ trụ trị giá: 603.000 đồng; 05 cây vải trị giá 6.500.000

đồng; 01 cây nhãn trị giá 2.100.000 đồng; 01 cây sấu trị giá 264.000 đồng; 01 cây sấu trị giá 966.000 đồng. Tổng cộng tài sản trị giá: 59.703.000 đồng.

Ông Đ được quyền sở hữu các tài sản của vợ chồng anh H, chị D xây trên đất gồm: 01 nhà ở cấp bốn xây năm 2017 diện tích 111,3m² trị giá 283.147.000 đồng; 01 khu chăn nuôi loại C trị giá 13.210.000 đồng; 01 sân bê tông trị giá 3.910.000 đồng; 01 tường cay bổ trụ dài 43,3m trị giá 6.928.000 đồng; Cổng sắt trị giá 4.338.000 đồng; 01 téc nước trị giá 1.840.000 đồng. Tổng cộng tài sản trị giá là: 313.373.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản đất và các tài sản gắn liền đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đ là: 447.459.800 đồng (Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín tám trăm đồng).

- Phần tài sản của anh Đặng Văn H, chị Thân Thị Như D trên phần đất giao cho ông Đ, anh H, chị D thông nhất để ông Đ sở hữu, không yêu cầu ông Đ phải trích chia trả giá trị bằng tiền.

- Phần tài sản của chị N, anh Gi xây dựng trên phần đất giao cho bà H, chị N nhất trí để bà H sở hữu, không yêu cầu bà H phải trích chia trả giá trị bằng tiền.

Đối với tài sản của ông Đ, bà H thuộc phần đất của ai người đó có quyền sử dụng, ông Đ không phải trích chia chênh lệch về giá trị tài sản cho bà H. Các tài sản khác xây dựng gắn liền trên đất, bà H, ông Đ không yêu cầu xem xét, thuộc phần đất của ai người đó được sử dụng, sở hữu.

- Về chi phí định giá, thẩm định tài sản ngày 08/01/2018 hết 7.000.000 đồng, trong đó chi phí định giá 2.000.000 đồng; chi phí đo vẽ, thẩm định 5.000.000 đồng do bà H nộp tạm ứng. Bà H, ông Đ phải chịu mỗi người là 3.500.000 đồng. Ông Đ phải hoàn trả cho bà H 3.500.000 đồng tiền cho phí định giá, thẩm định tài sản.

- Về án phí: Do ông Đ, bà H thuộc diện hộ nghèo, nên ông Đ, bà H không phải chịu án phí dân sự ly hôn, án phí chia tài sản chung sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Triệu Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí 6.250.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0004071 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Hoàn trả chị Đặng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0004168 ngày 14/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**